

ĐẠO ĐỨC TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC – LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Trần Thanh Hương

*Khoa Giáo dục, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*

Tóm tắt. Nghiên cứu khoa học là công cụ tạo ra vốn tri thức và sản phẩm khoa học tiến bộ để thay đổi cuộc sống con người tốt đẹp hơn. Sản phẩm của nghiên cứu chỉ có giá trị khoa học khi được thực hiện dựa trên những giá trị và chuẩn mực đạo đức nhất định. Qua khảo sát bằng bảng hỏi đối với 169 giảng viên cơ hữu tại Trường ĐHKHXH & NV, TP HCM, kết quả cho thấy, các giảng viên có nhận thức khá chính xác về các quy tắc ứng xử và chuẩn mực trong nghiên cứu. Tuy nhiên, họ có nhận thức chưa đầy đủ về việc lựa chọn phương pháp, về quy tắc giao tiếp đối với đối tượng tham gia và nhà tài trợ. Từ các kết quả này, tác giả đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học của giảng viên ở Trường.

Từ khóa: đạo đức nghiên cứu, nghiên cứu khoa học, đạo đức trong nghiên cứu khoa học của giảng viên.

1. Mở đầu

Nghiên cứu khoa học (NCKH) được xem là phương tiện để tạo ra vốn tri thức và các sản phẩm khoa học tiến bộ để cải tiến chất lượng cuộc sống của con người (Weinberg và cộng sự; 2014, Benneworth, 2019) [1-2]. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, NCKH được xem là một trong những yếu tố quan trọng góp phần làm tăng năng lực cạnh tranh của cá nhân, của tổ chức và quốc gia (Bay và Clerigo, 2013; Ivanenco và cộng sự, 2015; Fawzi và Al-Hattami, 2017, Nasser-Abu và Majdob, 2017; Benneworth, 2019) [2-6]. Chính vì thế, đẩy mạnh năng lực nghiên cứu đối với các cá nhân, tổ chức và đặc biệt ở các trường đại học đang trở thành một trong những mục tiêu quan trọng để đáp ứng sự mong đợi của xã hội và thích ứng với tốc độ phát triển của khoa học kỹ thuật thế giới. Những áp lực này đã làm thay đổi tích cực đến khoa học công nghệ, cụ thể là hoạt động NCKH ở Việt Nam, tuy nhiên, bên cạnh đó cũng làm nảy sinh những sai phạm, gian lận và vi phạm các quy tắc đạo đức trong quá trình nghiên cứu, từ đó làm thay đổi bản chất của NCKH, tạo ra những tác động xấu cho xã hội. Đây là vấn đề đang rất thách thức trong bối cảnh hiện nay, đặc biệt khi NCKH được xem là hoạt động bắt buộc ở một số lĩnh vực (Palispis, 1993; Creswell, 2011; Edwards và Roy, 2016) [7-9], sự xuất hiện của những tổ chức viết thuê luận văn luận án, những dịch vụ làm nghiên cứu dựa trên lợi ích cá nhân, các hình thức khuyến khích, khen thưởng trong nghiên cứu ngày càng trở nên hấp dẫn, các nguồn quỹ dành cho nghiên cứu có hạn đã làm tăng tính cạnh tranh ở các dự án nghiên cứu, những điều này tác động làm thay đổi hành vi học thuật của nhà nghiên cứu, dẫn đến những sai lệch làm giảm đi bản chất, tính khoa học và tính xác thực của kết quả nghiên cứu, gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội (Edward & Roy, 2016) [9].

Ngày nhận bài: 11/2/2020. Ngày sửa bài: 27/3/2020. Ngày nhận đăng: 10/7/2020.

Tác giả liên hệ: Trần Thanh Hương. Địa chỉ e-mail: huongpalawan@gmail.com

Có thể thấy, NCKH là một trong những yếu tố quyết định đến năng lực cạnh tranh và phát triển của quốc gia, là phương tiện để tạo ra vốn trí tuệ nhằm cải thiện cuộc sống của con người ngày càng tốt đẹp hơn. Những mục đích này chỉ đạt được khi có sự khách quan, chính trực, xác thực và khoa học trong quá trình thực hiện, do vậy, đạo đức với sự tuân thủ các quy tắc trong nghiên cứu là những điều kiện tiên quyết để việc tìm kiếm tri thức và chuyển giao sản phẩm NCKH vào thực tiễn một cách hữu dụng và thực tế. Chính vì vậy, thực hiện các quy tắc đạo đức nghiên cứu là yêu cầu không thể tách rời khỏi một tổ chức đào tạo theo định hướng nghiên cứu (Palispis, 1993; Edwards và Roy, 2016) [7], [9], đây được xem là nền tảng cốt lõi định hướng cho mọi khía cạnh của nghiên cứu để hoạt động này được phát triển bền vững trong bối cảnh hiện nay. Với mục đích tìm hiểu việc ứng dụng các quy tắc đạo đức trong nghiên cứu ở trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM (ĐHKHXH & NV), bài viết khảo sát, phân tích và giải thích sự hiểu biết về các quy tắc ứng xử trong nghiên cứu của giảng viên Trường.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về đạo đức nghiên cứu

Đạo đức nghiên cứu được xem là những giá trị, quy tắc ứng xử nhất định trong quá trình thực hiện, những quy định cụ thể về từng nguyên tắc có thể khác nhau giữa các lĩnh vực hoặc khối ngành nghề nghiên cứu. Palispis (1993) [7], Kumar (2011) [10], Creswell (2011) [8] và Bhattacharjee, (2012) [11] đã phân loại, phân tích và chỉ những quy tắc ứng xử chung trong nghiên cứu, đây là những giá trị và chuẩn mực người thực hiện cần tuân theo để đảm bảo tính chính trực trong học thuật và tính khoa học của nghiên cứu.

(1) Đối với các đối tượng tham gia vào nghiên cứu: đối tượng tham gia bao gồm tất cả các cá nhân, nhóm tham gia vào việc cung cấp thông tin phục vụ cho vấn đề nghiên cứu. Trong quá trình thực hiện, nhà nghiên cứu sẽ tiếp cận các cá nhân hoặc nhóm đối tượng để thu thập dữ liệu, sự tiếp cận này sẽ ảnh hưởng đến không gian của các đối tượng (sự xuất hiện và can thiệp vào không gian sống), thời gian (các đối tượng này phải dành thời gian cho nhà nghiên cứu) hay cảm xúc cá nhân (người trả lời có thể lo lắng, sợ hãi hoặc cảm thấy áp lực khi tham gia). Chính vì những tác động không mong muốn, trước khi tiến hành thu thập thông tin nhà nghiên cứu phải ý thức được những lợi ích và đóng góp của nghiên cứu đang thực hiện (trực tiếp hay gián tiếp) vào quá trình phát triển của xã hội, từ đó đánh giá tính cần thiết và quan trọng để mời các đối tượng tham gia. Khi đã có được sự đồng ý của các đối tượng, bản thân người làm nghiên cứu cần làm rõ sự phù hợp và lợi ích của nghiên cứu từ đó kêu gọi sự hợp tác, tránh tình trạng làm mất thời gian vô ích của người tham gia hay sự ép buộc họ. Thứ hai, trước khi tiến hành thu thập thông tin, nhà nghiên cứu cần thông tin rõ mục đích, mong đợi và sự ảnh hưởng (trực tiếp hoặc gián tiếp) của nghiên cứu đối với các đối tượng, đảm bảo sự tự do trong việc ra quyết định tham gia hoặc không của các đối tượng này. Thứ ba, trong suốt quá trình thu thập dữ liệu, nhà nghiên cứu cũng cần xem xét đến những thông tin nhạy cảm (để đảm bảo người tham gia không bị tổn thương hoặc bị lừa dối), hạn chế tối đa sự phá vỡ hay ảnh hưởng tiêu cực đến cá nhân hoặc cộng đồng nơi đối tượng này đang sinh sống, giữ bí mật thông tin, tránh lừa dối, lạm dụng cũng như thu thập những dữ liệu gây hại tới người tham gia, có những hình thức để trả công cho các đối tượng tham gia. Tuy nhiên, việc trao quà trước khi tiến hành thu thập thông tin được xem là hành vi vi phạm đạo đức trong nghiên cứu, việc làm này sẽ tác động đến thái độ của người tham gia từ đó ảnh hưởng đến bản chất của thông tin.

(2) Đối với bản thân nhà nghiên cứu: nhà nghiên cứu là người chịu trách nhiệm, tổ chức thực hiện các hoạt động trong quá trình nghiên cứu. Khi thực hiện một đề tài, nhà nghiên cứu đang đóng vai trò là một trong những đại diện chuyên môn, do vậy họ cần tuân thủ các quy định thuộc lĩnh vực ngành nghề và tính chính trực trong quá trình thực hiện. Những vi phạm trong

đạo đức nghiên cứu xuất phát từ bản thân người thực hiện rất đa dạng, theo các tác giả việc lựa chọn phương pháp nghiên cứu xuất phát từ sự chủ quan của nhà nghiên cứu là một trong những vi phạm khá phổ biến. Ngoài ra, một số nhà người thực hiện nghiên cứu không theo quy trình, sử dụng các chứng cứ không có giá trị, thực hiện sửa chữa, che giấu những dữ liệu có tích tiêu cực, đưa ra những nhận định và kết luận sai, không có cơ sở khoa học. Thêm vào đó, việc chỉnh sửa, thêm bớt thông tin trong một báo cáo khoa học để phục vụ mục đích cá nhân (sợ mất mặt hoặc vì lợi ích riêng) hoặc mục đích khác (thông tin này khác với thông tin được thu thập) được xem là những vi phạm nghiêm trọng trong nghiên cứu. Việc sử dụng không phù hợp các thông tin được cung cấp cũng được xem là những hành vi không thể chấp nhận đối với một nghiên cứu khoa học, ví dụ: sử dụng các thông tin được cung cấp cho mục đích khác, khác với mục đích đã được trao đổi với người cung cấp thông tin lúc bắt đầu.

(3) Tổ chức tài trợ nghiên cứu: thông thường các nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn có thể nhận được sự tài trợ của tổ chức hoặc cơ quan. Tuy nhiên, nếu vì nhận tài trợ mà nhà nghiên cứu phải tuân theo những yêu cầu về phương pháp, giới hạn việc phổ biến các thông tin hoặc kết quả nghiên cứu đã thu thập được (làm thiếu sự đầy đủ của các kết quả khoa học) được xem là những hành động không thể chấp nhận trong nghiên cứu khoa học. Nhà nghiên cứu cần độc lập trong quá trình thực hiện để đảm bảo tính xác thực của vấn đề, sự can thiệp từ phía tổ chức tài trợ sẽ ảnh hưởng tới mục đích, kết quả nghiên cứu và làm sai lệch bản chất của vấn đề. Do vậy, tổ chức tài trợ cung cấp nguồn lực để thực hiện điều tra và nhà nghiên cứu phải là cá nhân độc lập, đóng vai trò là đại diện cho lĩnh vực chuyên môn và không nên để tổ chức tài trợ can thiệp hoặc giới hạn việc thực hiện hoặc đưa ra kết quả (trừ các nghiên cứu có tính thương mại)

Nghiên cứu là quá trình, trong đó có sự hợp tác giữa nhà nghiên cứu và các đối tượng nghiên cứu, là việc sử dụng các nguồn lực để đạt mục đích nghiên cứu. Chính vì liên quan đến con người và nguồn lực, nhà nghiên cứu phải tuân theo đạo đức nghiên cứu trong suốt quá trình thực hiện (Palispis, 1993; Kumar, 2011; Bhattacharjee, 2012; Edwards và Roy, 2016) [7], [10], [11], [9] để đảm bảo sự chuẩn mực, đúng đắn và chính xác trong các công việc thực hiện. Ở VN, giảng dạy và nghiên cứu là hai nhiệm vụ bắt buộc của giảng viên (Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT, hiệu lực từ ngày 25/3/2015), nghiên cứu khoa học là cách giảng viên có thể tìm kiếm tri thức mới, vận dụng vào thực tiễn để nâng cao hiệu quả giảng dạy (Nguyễn Minh Tuấn, 2018) [12]. Người tham gia thực hiện vào công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ bắt buộc phải tuân theo những quy định của luật Khoa học Công nghệ (2013). Cụ thể ở điều 8, chương 1 nêu rõ, nhà nghiên cứu không được xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân và tổ chức. Không được xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hay chuyển giao bất hợp pháp các kết quả khoa học, cấm tất cả các hình thức lừa dối, giả mạo trong hoạt động khoa học. Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã đưa ra những hướng dẫn và quy định rõ ràng liên quan đến công tác quản lý quyền sở hữu trí tuệ từ những sản phẩm NCKH qua quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT (ngày 29/12/2008), quyết định này áp dụng cho tất cả các cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoạt động khoa học – công nghệ.

Trường Đại học KHXX & NV trực thuộc hệ thống Đại học Quốc gia TP HCM và hiện là trung tâm nghiên cứu đào tạo lớn nhất miền Nam cũng như là một trong những nơi lớn nhất nước trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Với mục tiêu trở thành đại học nghiên cứu, ngoài việc đẩy mạnh hoạt động NCKH, Trường cũng rất quan tâm đến những quy tắc ứng xử, đạo đức trong nghiên cứu, luôn nghiêm khắc đối với các hình thức xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, các hành vi lừa dối trong nghiên cứu, một trong những điển hình là Quyết định số 02/QĐ-XHNV-TTTPC-SHTT ngày 19/01/2018 đã đưa ra những hướng dẫn về trích dẫn, chống đạo văn và các hình thức xử phạt cho các vi phạm đối với tất cả các đối tượng đang làm việc và nghiên cứu tại Trường [13]. Như vậy, ngoài việc chú trọng đẩy mạnh hiệu quả trong hoạt động nghiên cứu, đạo đức nghiên cứu cũng là vấn đề Trường rất quan tâm và triệt để trong việc thực

hiện, dựa chiến lược phát triển của Trường, tác giả thực hiện khảo sát để đánh giá thực trạng về vấn đề này, đây là cơ sở để đưa ra những kiến nghị nhằm góp phần thực hiện mục tiêu phát triển của Trường trong NCKH.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bằng phương pháp thống kê mô tả, tác giả thực hiện khảo sát các giảng viên (GV) cơ hữu đang công tác tại các Khoa/ Bộ môn thuộc Trường ĐHKHXH & NV, 200 phiếu khảo sát được phân phối tới 29 Khoa/ Bộ môn tại Trường qua các cộng tác viên, sau thời gian gần 2 tháng, số phiếu hợp lệ thu về là 169 đáp ứng 84.5% tổng số phiếu phát ra. Phần mềm SPSS 20 được sử dụng cho việc xử lý số liệu.

Bảng hỏi khảo sát được xây dựng dựa trên các khung lý thuyết của Palispis (1993) [7]; Kumar, (2011) [10]; Creswell, (2011) [8]; Bhattacharjee, (2012) [11] và Edwards và Roy, (2016) [9]. Các câu hỏi khảo sát được đánh giá theo thang đo định lượng (gồm 5 mức độ: 1- Hoàn toàn không đồng ý; 2- Không đồng ý; 3- Phân vân; 4- Đồng ý; 5- Hoàn toàn đồng ý) được giải thích dựa trên các giá trị mức độ = (giá trị lớn nhất- giá trị nhỏ nhất)/ số lượng các mức độ= (5-1)/5= 0.8. Theo đó, ngoài ý nghĩa liên quan đến ý kiến phản hồi, các giá trị trung bình thể hiện trong mục khảo sát năng lực còn được giải thích như sau: 1.00 - 1.80: Hoàn toàn không được làm; 1.81 - 2.60: Không được làm; 2.61 - 3.40: Không chắc chắn; 3.41 - 4.20: Phải làm; 4.21 - 5.00: Bắt buộc phải làm.

Kiểm chứng độ tin cậy của thang đo: Hệ số Cronbach's Alpha được tác giả sử dụng để đánh giá độ tin cậy của thang đo, đây được xem là cách để loại bỏ các biến không phù hợp (Nguyễn Đình Thọ & Nguyễn Thị Mai Trang, 2009) [14] cũng như dùng để kiểm tra tính phù hợp và tin cậy của các biến trong các nhân tố. Kết quả của hệ số tương quan biến tổng sẽ giúp loại đi những biến quan sát không có đóng góp nhiều cho sự mô tả của khái niệm cần đo (Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008) [15]. Cụ thể, các biến có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại ra, các giá trị Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6 sẽ được lựa chọn để đảm bảo độ tin cậy của thang đo, sau khi kiểm chứng, 15 biến quan sát thỏa mãn điều kiện được đưa vào xử lý phục vụ cho việc phân tích và giải thích dữ liệu.

2.3. Kết quả và bàn luận

Kết quả khảo sát cho thấy giảng viên Trường có nhận thức rất đúng đắn về một số quy tắc đạo đức trong nghiên cứu, tuy nhiên vẫn còn một số những quy tắc chưa được nhận thức một cách đầy đủ. Kết quả cụ thể thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1. Đạo đức trong nghiên cứu

Stt	Nội dung	TB	ĐLC
1	Nhà nghiên cứu cần trả công cho người tham gia trước khi tiến hành thu thập thông tin.	3.57	1.00
2	Người tham gia cần được thông tin về mục đích, nội dung, ảnh hưởng và vai trò của họ đến đề tài nghiên cứu.	3.97	.75
3	Thu thập dữ liệu khi chưa có sự đồng ý của các đối tác là điều bình thường.	2.46	1.19
4	Điều chỉnh dữ liệu để phù hợp với hoàn cảnh mà không gây hại đến người tham gia là điều chấp nhận được.	2.53	1.19
5	Người tham gia cần được đảm bảo họ không bị gây hại khi tham gia vào nghiên cứu.	4.16	0.83
6	Nhà nghiên cứu phải thông tin kết quả đến các đối tượng tham gia khi họ yêu cầu.	3.95	0.85
7	Công khai thông tin cá nhân, bí mật của người tham gia	2.37	1.29

	nghiên cứu là bình thường		
8	Không nên để ý đến thái độ lo lắng, sợ hãi của người cung cấp thông tin.	2.22	1.25
9	Người tham gia nghiên cứu có quyền từ chối tham gia vào bất cứ lúc nào.	3.5	1.16
10	Phương pháp nghiên cứu nên được lựa chọn dựa trên mục đích cá nhân nhà nghiên cứu.	3.22	1.03
11	Đề tiết kiệm nguồn lực, nhà nghiên cứu không cần tuân theo quy trình nghiên cứu.	2.43	1.14
12	Không nên báo cáo hay công bố những dữ liệu có tính tiêu cực.	2.58	1.14
13	Nhà nghiên cứu phải tuân theo yêu cầu của tổ chức tài trợ về phương pháp, quy trình và công bố thông tin.	3.65	0.95
14	Không được sử dụng thông tin được cung cấp cho một vấn đề nghiên cứu khác.	3.44	0.99
15	Sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác mà không trích nguồn là điều bình thường	1.76	1.15
Trung bình		3.05	1.06

Bảng 1 thể hiện giá trị tổng trung bình (TB = 3.05) cho thấy GV chưa có hiểu biết chắc chắn về các quy tắc đạo đức trong nghiên cứu. Một số những quy tắc ứng xử đối với các đối tượng tham gia vào nghiên cứu được gGV nhận biết khá rõ ràng và chính xác, cụ thể được thể hiện qua giá trị trung bình của các mục “nhà nghiên cứu cần thông tin về mục đích, nội dung và vai trò cho người tham gia nghiên cứu” (TB = 3.97), “đảm bảo cho người tham gia không bị gây hại khi tham gia vào quá trình nghiên cứu” (TB = 4.16), “nhà nghiên cứu phải thông tin kết quả đến các đối tượng tham gia khi họ yêu cầu (TB = 3.95), “không sử dụng thông tin được cung cấp cho một vấn đề nghiên cứu khác” (TB = 3.44) và “người tham gia nghiên cứu có quyền từ chối tham gia vào bất cứ lúc nào” (TB = 3.5). Các số liệu này thể hiện sự ý thức của GV trong việc thực hiện các trách nhiệm, quy tắc ứng xử đối với các đối tượng tham gia, mặc dù GV nhận thức khá chắc chắn về các quy tắc nhưng độ lệch chuẩn có giá trị khá lớn, điều này cho thấy độ phân tán của dữ liệu và ít nhiều ảnh hưởng đến độ tin cậy của dữ liệu thu thập được, đây là vấn đề cần được tiếp tục tìm hiểu để làm rõ hơn sự khác biệt ở mức độ phản hồi giữa các nhóm đối tượng, từ đó có những biện pháp phù hợp nhằm vận dụng các quy tắc đạo đức trong nghiên cứu một cách chính xác.

Đối với một số mệnh đề phát biểu dưới dạng phủ định, cụ thể hơn là những điều nhà nghiên cứu không được làm cũng được GV nhận thức khá đầy đủ chính xác, cụ thể gồm “không cần tuân theo quy trình nghiên cứu” (M = 2.43), “không nên báo cáo, công bố những dữ liệu có tính tiêu cực” (M = 2.58), “không công khai thông tin và bí mật của người tham gia nghiên cứu” (M = 2.37), “không nên để ý thái độ lo lắng, sợ hãi của người tham gia nghiên cứu” (M = 2.22), “thu thập dữ liệu khi chưa có sự đồng ý của các đối tác” (M = 2.46), “điều chỉnh dữ liệu để phù hợp với hoàn cảnh mà không gây hại đến người tham gia” (M = 2.53), đặc biệt hơn GV có nhận thức rất chắc chắn về quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể là trích dẫn nguồn khi sử dụng các kết quả nghiên cứu của người khác (M = 1.76). Các số liệu này thể hiện cho thấy giảng viên nắm khá rõ về các hành vi không nên làm đối với các đối tượng tham gia cũng như đối với quá trình thu thập và công bố các kết quả trong quá trình làm nghiên cứu.

Tuy nhiên, đối với một số những quy tắc ứng xử khác GV có nhận thức chưa đầy đủ hoặc thiếu chính xác, điển hình là hành động “trả công cho người tham gia trước khi tiến hành thu thập thông tin” (M = 3.57) hay “lựa chọn phương pháp dựa trên mục đích cá nhân nhà nghiên

cứu” ($M = 3.22$) và “nhà nghiên cứu phải tuân theo yêu cầu của tổ chức tài trợ về phương pháp, quy trình và công bố thông tin” ($M = 3.65$) đối với đề tài nghiên cứu.

Chi tiết về các quy tắc ứng xử có thể khác nhau giữa các khối ngành nghề nhưng trong nghiên cứu sẽ có những quy tắc chung trong quá trình thực hiện, kể cả khi đi thu thập thông tin. Việc trả công cho người tham gia trước khi thu thập thông tin được xem là bình thường với một số nhà nghiên cứu, tuy nhiên, hành động này sẽ ảnh hưởng đến bản chất của dữ liệu khi hành vi và thái độ của người tham gia bị tác động bởi vật chất (Kumar, 2011) [10], điều này ít nhiều ảnh hưởng đến tính xác thực của thông tin trong việc tìm hiểu sự thật của vấn đề. Ngoài ra, trong thực tế nghiên cứu, nhiều nhà nghiên cứu có xu hướng sử dụng phương pháp NC phù hợp với sở thích hoặc mong muốn của cá nhân (thường là khảo sát) hơn lựa chọn phương pháp dựa trên vấn đề NC (Bhattacharjee, 2012) [11], đây cũng là thực trạng của GV trong Trường, điều này ảnh hưởng đến tính ứng dụng của các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn vì phương pháp lựa chọn dựa trên xu hướng cá nhân với tính chủ quan của nhà nghiên cứu, kết quả này tương thích với kết luận trước đó của Bay & Clerigo (2013) [3], Gomeze & Panaligan (2013) [16], Hanover Research (2014) [17] khi cho rằng phần lớn nhà nghiên cứu thường yếu kém trong việc lựa chọn phương pháp nghiên cứu, thường lựa chọn phương pháp dựa trên mục đích cá nhân, như thế sẽ tác động đến tính giá trị, khoa học của kết quả nghiên cứu (Palispis, 1993) [7] tìm được. Vì thế, mục đích nghiên cứu phải là ưu tiên đầu tiên, lựa chọn và điều chỉnh phương pháp phải xuất phát từ vấn đề và mục tiêu nghiên cứu (Bhattacharjee, 2012; Giménez Toledo, 2018) [11], [18], không dựa trên sở thích hoặc mục đích của nhà nghiên cứu hay bất kỳ đối tượng nào khác kể cả đơn vị tài trợ.

Nghiên cứu nghiên cứu là quá trình phức tạp, đòi hỏi sự tìm hiểu và suy xét thấu đáo hiện tượng/ vấn đề bằng các phương pháp khoa học để đạt được các kiến thức khoa học (Bhattacharjee, 2012) [11] và rất cần nguồn lực (Weinberg và cộng sự, 2014) [1]. Tuy nhiên, cung cấp nguồn lực khác với việc dùng nguồn lực để quản lí nghiên cứu, do vậy chấp nhận sự can thiệp của đơn vị tài trợ vào việc lựa chọn phương pháp, quy trình hoặc công bố thông tin đều được xem là những hành vi không thể chấp nhận trong nghiên cứu khoa học (Edwards và Roy, 2016; Bhattacharjee, 2012) [9], [11]. Đây là sự khác biệt giữa NCKH và nghiên cứu để thương mại hóa kết quả nhằm đáp ứng nhu cầu quyền lợi của đơn vị tài trợ.

Kết quả khảo sát cho thấy trong thực tế không phải nhà nghiên cứu nào cũng ý thức và phân định được các trách nhiệm đã đề cập, điển hình là giảng viên Trường ĐHKHXH & NV trong nghiên cứu này, họ đã nhận thức rằng việc trao quà hoặc trả công cho các đối tượng tham gia trước khi thu thập dữ liệu là điều bình thường, họ đồng thời cũng nhận thấy việc lựa chọn phương pháp nghiên cứu dựa trên mục đích cá nhân của nhà nghiên cứu là hành vi chấp nhận được và họ cũng cho rằng các đơn vị tài trợ nghiên cứu có quyền can thiệp vào quá trình thực hiện nghiên cứu, ví dụ như chọn lựa phương pháp, quy trình hoặc công bố kết quả. Đây là những vấn đề cần được quan tâm trong công tác bồi dưỡng GV để hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường ngày càng hiệu quả và có những đóng góp vào thực tiễn bền vững hơn.

3. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu là quá trình đòi hỏi sự nỗ lực của nhà nghiên cứu trong việc sử dụng các phương pháp khoa học để tìm ra các tri thức khoa học. Quá trình này đòi hỏi nhà nghiên cứu phải tương tác với các đối tượng khác nhau, sử dụng các nguồn lực để đạt mục tiêu nghiên cứu. Vì thế, để đạt được các kết quả khoa học, nhà nghiên cứu phải tuân theo các quy tắc ứng xử, cụ thể hơn là các quy tắc đạo đức đối với đối tượng tham gia, lựa chọn phương pháp và với các đơn vị tài trợ, đây là vấn đề ít được đề cập trong các văn bản pháp lí của Bộ KH-CN và các Quyết định của Trường (các văn bản tập trung nhiều vào việc chống gian lận, đạo văn hay vi phạm lợi ích của nhà nước...).

Trường đại học theo định hướng nghiên cứu thường đề cao và đẩy mạnh hiệu quả trong nghiên cứu, tuy nhiên, để trở thành đại học nghiên cứu, bên cạnh những hình thức hỗ trợ và khuyến khích NCKH, các trường cần tạo dựng môi trường học thuật chính trực dựa trên những nền tảng của các giá trị đạo đức, những chuẩn mực ứng xử trong nghiên cứu để phát triển bền vững và hội nhập với khoa học thế giới. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số kiến nghị sau:

- Kết quả khảo sát trong nghiên cứu chỉ tập trung tìm hiểu sự nhận thức của GV cơ hữu trong Trường ĐHKHXH & NV, tuy nhiên, việc vận dụng các quy tắc đạo đức trong thực tế nghiên cứu chưa được kiểm chứng. Do vậy, cần có thêm những nghiên cứu khác liên quan đến vấn đề này nhằm đánh giá thực trạng, từ đó có những chính sách phù hợp để phát triển hơn nữa hoạt động này trong Trường.

- Cần xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong nghiên cứu khoa học để phổ biến, định hướng, hướng dẫn các hành vi học thuật trong hoạt động NCKH của GV ở Trường.

- Xây dựng văn hóa nghiên cứu, hình thành thói quen nghiên cứu nhưng đồng thời cũng cần tổ chức bồi dưỡng GV về các quy tắc đạo đức để khích lệ và ngăn ngừa các hành vi sai phạm. Cần có cơ chế giám sát hoạt động NCKH và việc thực hiện các quy tắc ứng xử để đảm bảo tính chính trực và trung thực trong quá trình nghiên cứu, góp phần vào việc phát triển xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Weinberg, B. A., Ownen-Smith, J., Rosen, R. J., Schwarz, L., Allen, B. M., Weiss, R. E., & Lane, J., 2014. Science funding and short-term economic activity. *Science*, 344(6179), 41-43. doi: 10.1126/science.1250055.
- [2] Benneworth, P, 2019. *University Research and Regional Development*. SOTA review no 25. Queen's University Belfast.
- [3] Bay, B. A., Clerigo, M. E. C, 2013. Factors Associated with Research Productivity among Oral Healthcare Educators in an Asian University. *International Education Studies*, 6(8), 124-135.
- [4] Ivanenko, N. A., Sagitova, V. R., Mustafina, G. M., Akhmetzyanov, I. G, 2015. Basic Components of Developing Teachers' Research Competence as a Condition to Improve Their Competitiveness. *Review of European Studies*, 7(4).
- [5] Fawzi, H., Al-Hattami, A, 2017. Faculty Production of Research Papers: Challenges and Recommendations. *International Journal of Humanities and Social Sciences*, 7(2), 221-228.
- [6] Nasser-Abu Alhija, F. M., & Majdob, A., 2017. "Predictors of Teacher Educators' Research Productivity". *Australian Journal of Teacher Education*, 42(11).
- [7] Palispis, E. S, 1993. *Elements of Research*. Manila, REX Bookstore .
- [8] Creswell, J. W, 2011. *Research Design: Qualitative, Quantitative and Mixed Methods Approaches*. 4rd Edition, SAGE publications.
- [9] Edwards, M. A., Roy, S, 2016. "Academic Research in the 21st Century: Maintaining Scientific Integrity in a Climate of Perverse Incentives and Hypercompetition". *Environmental Engineering Science*, 34(1), 51-61.
- [10] Kumar, R, 2011. *Research Methodology: A step-by-step guide for beginners*. 3rd Edition, SAGE publication.
- [11] Bhattacharjee, A, 2012. *Social Science Research: Principles, Methods, and Practices*. Textbooks Collection. 3. http://scholarcommons.usf.edu/oa_textbooks/3.

- [12] Nguyễn Minh Tuấn, 2018. “Phát triển nghiên cứu khoa học của giảng viên Kỹ thuật ở các trường đại học Việt Nam trong bối cảnh hiện nay”. *HNUE Journal of Science*, 63(12), p115 – 121.
- [13] Trường Đại học KHXH & NV, 2018. Quyết định số 02/ QĐ-XHNV-TTPC-SHTT về việc ban hành Quy định trích dẫn và chống đạo văn của Trường ĐHKHXH & NV, ĐHQG TPHCM, đã được Hiệu trưởng ký ngày 19/1/2018.
- [14] Nguyễn Đình Thọ & Nguyễn Thị Mai Trang, 2009. *Nghiên cứu khoa học trong quản trị kinh doanh*. Nxb Thống kê .
- [15] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008. *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Tập 2. Nxb Hồng Đức, tr.257-258.
- [16] Gomez, M.J. S. & Panaligan, C., 2013. “Level of Research Competencies and Satisfaction of the Faculty Members from the College of Criminology”. *Asian Academic Research Journal of Social Sciences and Humanities* 1(14).
- [17] Hanover Research, 2014. *Building a Culture of Research: Recommended Practices*. Hanover Research, Academy Administration Practice
- [18] Giménez Toledo, E., 2018. “Research assessment in the Humanities and the Social Sciences in review”. *Revista Española de Documentación Científica*, 41 (3): e208. <https://doi.org/10.3989/redc.2018.3.1552>.

ABSTRACT

Research ethics of the faculty members at higher education – theory and practice

Tran Thanh Huong

*Faculty of Education, University of Social Sciences and Humanities,
Vietnam National University Ho Chi Minh City*

Scientific research is seen as a tool to discover new knowledge and create advanced products for the betterment of society. However, the contribution of research outputs is only valuable unless it is done with the required values and by specific standards. By using questionnaire to conduct a survey on 169 permanent faculty members at the University of Social Sciences and Humanities, HCMC, the author found out that the respondents had adequate perception to research ethics, however, they inadequately perceived the values of research methods, and relationship among stakeholders and research sponsors. From these findings, some recommendations are proposed to improve the research effectiveness at the university level.

Keyword: research ethics, scientific research, research ethics of the faculty member.